

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2018

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm:

1. Ông Trần Văn Hồ

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến PH– Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – KSV

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Châu Thị Ngọc H**, sinh năm 1983

Trú tại: Xã B H, huyện GT, tỉnh BT.

Bị đơn: Anh **Lê Bá T**, sinh năm 1978

Trú tại: Phường S, thành phố BT, tỉnh BT

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa:

Theo nguyên đơn chị Châu Thị Ngọc H trình bày:

Chị Châu Thị Ngọc H và anh Lê Bá T qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố BT, tỉnh BT vào ngày 17/6/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khi có con, nguyên nhân giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn thường hay cự cãi, chị H cảm thấy có nhiều chuyện không hợp, mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không tự giải quyết được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ khi chị H sinh cháu Lê Châu Khánh N đến nay thì anh T chỉ đến thăm con có một lần vào lúc đầy tháng và cho 5.000.000 đồng, khi chị H đi chích ngừa cho cháu Khánh N thì mẹ chị H trả tiền nên về nhà chị H có kêu anh T

trả tiền lại cho mẹ H còn nếu mẹ chị H cho cháu ngoại thì thôi nên hai vợ chồng cãi nhau và anh T bỏ về rồi nhắn tin đừng trông mong gì ở anh T nữa nên từ đó về sau anh T không có điện thoại hỏi thăm con, chị H có điện thoại nhiều lần cho anh T không nhưng anh T không nghe máy. Vợ chồng chị H đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay.

Về hôn nhân: Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Châu Khánh N, sinh ngày 12/10/2016, hiện cháu N đang sống với mẹ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh T không có tới lui thăm con cũng như cấp dưỡng nuôi con. Do đó, chị H xin được nuôi cháu N và chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn Lê Bá T trình bày:

Anh Lê Bá T vắng mặt, không tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh T nhiều lần nên không có lời trình bày của anh T tại bản tự khai, biên bản hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành đúng pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ kiện xin ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[2] *Về tố tụng:* Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ 02 lần cho anh T để tham gia phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Bá T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Lê Bá T, yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lê Châu Khánh N và chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố BT, tỉnh BT vào ngày 17/6/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi chị H sinh cháu Lê Châu Khánh N thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, vợ chồng có nhiều

chuyện không hợp, mâu thuẫn xảy ra vợ chồng không tự giải quyết được, cũng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2016. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T và chị H vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh T.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa, anh T không có lời trình bày tại bản tự khai, các biên bản hòa giải nên không có ý kiến của anh T về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hương.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T thực tế có xảy ra, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai bên. Tại phiên Tòa hôm nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T. Chị H và anh T cũng đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, nhận thấy anh T không có ý chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Châu Khánh N, sinh ngày 12/10/2016, hiện cháu Ngọc đang sống với mẹ. Chị H xin được nuôi cháu Ngọc và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện anh T đang đi làm ăn xa nên không có điều kiện để chăm sóc con cái và cháu Khánh Ngọc hiện nay mới 22 tháng tuổi nên giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị H phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 147, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Thị Ngọc H đối với anh Lê Bá T

Về hôn nhân: Chị Châu Thị Ngọc H được ly hôn với anh Lê Bá T.

Về con chung: Chị Châu Thị Ngọc H được quyền nuôi con chung là cháu Lê Châu Khánh N, sinh ngày 12/10/2016.

Ghi nhận chị Châu Thị Ngọc H không yêu cầu anh Lê Bá T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Bá T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Châu Thị Ngọc H khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng chị Châu Thị Ngọc H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015583 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chị Châu Thị Ngọc H đã nộp xong án phí hôn nhân.

Chị Châu Thị Ngọc H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Bá T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS TP Bến Tre (1b);
- UBND Phường S (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo